

TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Minh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 08/5/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST – HNGĐ ngày 15/3/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Na – sinh năm 1976

Địa chỉ: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Chị Trần Thị L – sinh năm 1980.

Địa chỉ: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/3/2018 và bản tự khai ngày 19/3/2018 anh Nguyễn Văn N trình bày.

Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Trần Thị L kết hôn ngày 04/3/1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, cũng từ năm 2010 chị L bỏ nhà ra đi, đi đâu và làm gì anh Na và gia đình không biết. Tháng 9/2017 anh N làm đơn yêu cầu

TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa tuyên bố chị Trần Thị L mất tích. Ngày 21/02/2018 TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp ra Quyết định số: 02/2018/QĐDS-ST tuyên bố chị Trần Thị L mất tích. Nay anh N làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị M – sinh ngày 26/01/1999 và cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 09/9/2001. Anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phần con chung.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú cuối cùng của chị L. Nhưng chị L không có mặt để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự tại phiên hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị L kết hôn ngày 04/3/1998. Trước khi kết hôn giữa hai người có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, không ai cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị L bỏ nhà đi từ năm 2010 đến nay làm gì, ở đâu, anh N, gia đình và chính quyền không biết. Ngày 21/02/2018 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định tuyên bố chị Trần Thị L mất tích, đến nay quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo luật định, nhưng chị L vẫn vắng mặt, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị L và xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Trần Thị L là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

[2] Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị M – sinh ngày 26/01/1999 và cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 09/9/2001, hiện tại các cháu đang ở với anh N. Nhưng trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn giữ quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Anh Ng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Cho anh Nguyễn Văn Ng được ly hôn chị Trần Thị L.

*Về án phí: Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Ng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002708 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn. Anh Ng đã nộp đủ án phí.

*Án xử công khai sơ thẩm anh Ng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trình hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Trung Thu